

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **488** /2021/KDTM-PT  
Ngày: 20-5-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Chinh.

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Đoan Trang  
Bà Vũ Thị Hường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 và ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2021/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 541/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 2442/2021/QĐ-PT ngày 19/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3422/2021/QĐ-PT ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T; Địa chỉ: Số 95, Đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Anh D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Diệp Minh H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 61, đường H, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền Số 09/UQ/2018 lập ngày 31/7/2018 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T)

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần Thang máy P; Địa chỉ: H, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Ngọc C; Chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đức D– Văn phòng luật sư Trần Đức D thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

**Người kháng cáo:** Công ty cổ phần Thang máy P.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/7/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đại diện của nguyên đơn ông Diệp Minh H trình bày:*

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T (viết tắt Công ty T) có giao dịch, mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần Thang máy P (viết tắt Công ty P) từ nhiều năm nay. Hai bên thỏa thuận giao dịch mua bán với nhau thông qua điện thoại, thư điện tử (e-mail) mà không có ký hợp đồng bằng văn bản, chủ yếu thỏa thuận bằng miệng. Theo đó, bên bán sẽ giao hàng đúng yêu cầu của bên mua và bên mua kiểm tra hàng, ký xác nhận đã nhận hàng trên phiếu giao hàng, sau đó bên mua thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo số tiền ghi trên phiếu giao hàng mà bên mua đã ký xác nhận.

Tuy nhiên, Công ty P vẫn chưa thanh toán các Phiếu giao hàng sau đây:

- Phiếu giao hàng số XH1-0100 ngày 13/12/2016, Số tiền: 6.580.756 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0170 ngày 22/12/2016, Số tiền: 36.773.032 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0195 ngày 24/12/2016, Số tiền: 35.835.679 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0103 ngày 18/01/2017, Số tiền: 678.150 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0050 ngày 10/3/2017, Số tiền: 1.490.000 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH3-0001 ngày 03/01/2017, Số tiền: 34.354.767 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0011 ngày 03/01/2017, Số tiền: 38.560.039 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0022 ngày 05/01/2017, Số tiền: 30.463.998 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0029 ngày 05/01/2017, Số tiền: 17.919.522 đồng;
- Phiếu giao hàng số XH1-0002 ngày 01/3/2017, Số tiền: 310.488 đồng.

Tổng số tiền của 10 phiếu giao hàng trên là 202.966.533 (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ba đồng).

Trong 10 phiếu giao hàng này, có 5 phiếu giao hàng do ông Phạm Ngọc C đại diện theo pháp luật Công ty P ký nhận hàng và 5 phiếu giao hàng do ông Nguyễn Hồng Đ, là Kế toán trưởng, kiêm Phó giám đốc đại diện Công ty P ký nhận hàng. Đại diện Công ty P và đại diện Công ty T cùng kiểm tra đối chiếu các phiếu giao hàng và đều thừa nhận là chữ ký của mình, không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trên các phiếu giao hàng nêu trên.

Trong giai đoạn mà ông Nguyễn Hồng Đ ký nhận 5 phiếu giao hàng, ông Nguyễn Hồng Đ có chức vụ là Kế toán trưởng, kiêm Phó giám đốc, vừa là thành viên góp vốn của Công ty P, nguyên đơn không yêu cầu ông Nguyễn Hồng Đ thanh toán tiền nên không đưa ông Nguyễn Hồng Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 27/6/2018, Công ty T đã ban hành thông báo đề nghị thanh toán số tiền nêu trên và bị đơn Công ty P đã biết nhưng từ chối không thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thang máy P phải trả toàn bộ số tiền 202.966.533 (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ba đồng), trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng của 10 phiếu giao hàng nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu, không bổ sung gì thêm. Đề nghị không hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Hồng Đ tham gia phiên tòa.

*\* Tại các bản ghi lời khai của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đại diện bị đơn ông Phạm Ngọc C trình bày:*

Bị đơn xác nhận Công ty P và Công ty T có giao dịch, mua bán hàng hóa là các thiết bị, vật tư để lắp đặt thang máy tại các công trình, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không giao kết hợp đồng bằng văn bản. Sau khi kiểm tra, nhận hàng đúng yêu cầu thì bị đơn thanh toán đầy đủ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo từng đơn hàng đã ký nhận, nhưng nguyên đơn cho rằng trong giai đoạn từ ngày 13/12/2016 đến ngày 01/3/2017 bị đơn còn nợ đến 10 phiếu giao hàng là không chấp nhận.

Bị đơn thừa nhận chữ ký trên 5 phiếu giao hàng là của ông Phạm Ngọc C gồm các số XH1-0100 ngày 13/12/2016, XH1-0170 ngày 22/12/2016, XH1-0195 ngày 24/12/2016, XH1-0103 ngày 18/01/2017 và XH1-0050 ngày 10/3/2017; và 5 phiếu giao hàng là của ông Nguyễn Hồng Đ gồm các số XH3-0001 ngày 03/01/2017, XH1-0011 ngày 03/01/2017, XH1-0022 ngày 05/01/2017, XH1-0029 ngày 05/01/2017 và XH1-0002 ngày 01/3/2017. Tổng số tiền của 10 phiếu giao hàng trên là 202.966.533 (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ba đồng).

Thời điểm ký nhận 5 phiếu giao hàng, ông Nguyễn Hồng Đ có chức vụ là Kế toán trưởng, kiêm Phó giám đốc, vừa là thành viên góp vốn vào Công ty cổ phần Thang máy Phúc Đạt Lợi, nên bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Đồng thời, bị đơn xác nhận đã cho ông Nguyễn Hồng Đ nghỉ việc vào tháng 02/2018, hiện ông Nguyễn Hồng Đ vẫn còn là thành viên góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bị đơn không có tranh chấp với ông Nguyễn Hồng Đ về hợp đồng lao động, về thành viên góp vốn vào Công ty P và không gửi đơn đến các cơ quan chức năng để xử lý ông Nguyễn Hồng Đ, sau này có phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Hồng Đ sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Nên yêu cầu Tòa án không đưa ông Nguyễn Hồng Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nghĩa vụ thanh toán số tiền của 10 phiếu giao hàng nêu trên, bị đơn yêu cầu nguyên đơn đưa ra các chứng cứ về hợp đồng, thông báo công nợ về việc bị đơn chưa thanh toán tiền cho 10 phiếu giao hàng mà Công ty T nêu ra. Đồng thời, yêu cầu nguyên đơn đưa ra chứng cứ chứng minh các lần thanh toán của bị đơn cho Công ty T là trên đơn hàng ngày tháng năm nào, theo phiếu giao hàng ngày tháng năm nào. Trường hợp, nguyên đơn không đưa ra các hợp đồng mua bán cho các phiếu giao hàng nêu trên, bị đơn không đồng ý trả số tiền theo 10 phiếu giao hàng này.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn không đồng ý thanh toán tiền và không bổ sung thêm chứng cứ. Đề nghị không hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Hồng Đ tham gia phiên tòa.

**Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 27/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 385, 401 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50 và khoản 5 Điều 297 của Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T.

Buộc Công ty Cổ phần Thang máy P phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T số tiền 202.966.533 (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo bản án đã tuyên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần Thang máy P phải chịu số tiền là 10.148.327 (Mười triệu một trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thang máy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.075.000 (Năm triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0018231 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 10 năm 2020, bị đơn - Công ty Cổ phần Thang máy P có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 27/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn đã thừa nhận chữ ký trên 10 phiếu giao hàng từ ngày 22/12/2016 đến ngày 01/3/2017 xem như đã nhận hàng nhưng không chứng minh được đã thanh toán nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không đúng vì sau khi ký nhận 10 phiếu mua hàng trên, từ ngày 5/1/2017 đến ngày 25/3/2017 bị đơn đã chuyển khoản 10 lần theo ủy nhiệm chi cho nguyên đơn với số tiền là 387.257.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xuất trình 10 Ủy nhiệm chi và 31 Hóa đơn GTGT do Công ty T phát hành cho người mua hàng là Công ty P từ thời điểm tháng 1 đến tháng 7 năm 2017 để chứng minh đã thanh toán đủ nợ tiền hàng theo 10 phiếu giao hàng, nguyên đơn vẫn tiếp tục giao hàng tiếp mà không yêu cầu bị đơn đối chiếu hay xác nhận số nợ đối với các phiếu giao hàng chưa thanh toán, do đó đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã thanh toán đầy đủ tiền.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, các ủy nhiệm chi và các Hóa đơn giá trị gia tăng mà bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm để chứng minh sau thời điểm ký 10 phiếu giao hàng bị đơn vẫn tiếp tục thanh toán từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2017 là trả cho các phiếu mua hàng khác phát sinh sau thời điểm ký 10 phiếu giao hàng mà nguyên đơn khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo đã xuất trình các ủy nhiệm chi và Hóa đơn GTGT thanh toán tiền sau ngày bị đơn ký 10 phiếu giao nhận hàng, các tài liệu chứng cứ này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm điều tra làm rõ các khoản tiền mà Công ty P đã thanh toán và đã được nguyên đơn xuất Hóa đơn là thanh toán cho khoản tiền nào nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm giao lại cho tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng theo các Phiếu mua hàng. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Kháng cáo của bị đơn – Công ty Cổ phần Thang máy P là hợp lệ, nên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn - Công ty Cổ phần Thang máy P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải thích, hướng dẫn cho đương sự thực hiện quyền trợ giúp pháp lý là vi phạm khoản 6 Điều 48 BLTTDS 2015, thể hiện thẩm phán không vô tư, khách quan khi giải quyết vụ án.

Nhận thấy: Các đương sự trong vụ án đều là pháp nhân do đó căn cứ quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 và Điều 2 Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 thì các đương sự không phải là đối tượng được trợ giúp pháp lý, do đó việc Công ty Cổ phần Thang máy P kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho đương sự thực hiện quyền trợ giúp pháp lý, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Hồng Đ là người ký nhận vào 5 phiếu giao hàng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng. Nhận thấy tại tòa ông Phạm Ngọc C giám đốc Công ty P xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Hồng Đ là nhân viên với chức danh Kế toán trưởng, kiêm Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thang máy P vào giai đoạn ký xác nhận giao hàng từ nguyên đơn và ông Nguyễn Hồng Đ đã thừa nhận chữ ký trên 5 phiếu giao hàng (các số XH3-0001 ngày 03/01/2017, XH1-0011 ngày 03/01/2017, XH1-0022 ngày 05/01/2017, XH1-0029 ngày 05/01/2017 và XH1-0002 ngày 01/3/2017) là của ông Đ khi còn là nhân viên của bị đơn. Đồng thời, tại giai đoạn sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp với ông Nguyễn Hồng Đ và đều không yêu cầu tòa án triệu tập ông Đ vào tham gia tố tụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Hồng Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp qui định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó việc bị đơn kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm sai nghiêm trọng khi không đưa ông Nguyễn Hồng Đ là người ký nhận 5 phiếu giao hàng vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

[4] Xét tại tòa các bên thừa nhận cách thức xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa qua nhiều năm là bằng lời nói (bằng miệng), điện thoại, thư điện tử (e-mail), cụ thể: bên mua gọi điện thoại, gửi thư điện tử đặt hàng thì bên bán sẽ mang

hàng giao cho bên mua kiểm tra hàng và ký xác nhận trên phiếu giao hàng và sau đó bên mua thanh toán theo phương thức chuyển khoản, tiền mặt cho các phiếu giao hàng đã nhận. Sau khi nhận được tiền thanh toán thì bên bán sẽ xuất Hóa đơn GTGT cho bên mua. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng này như thói quen trong hoạt động thương mại là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa.

[5] Tại phiên tòa các đương sự đều xác định giao dịch giữa các bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà bên mua đặt hàng bằng điện thoại hoặc mail, bên bán giao hàng kèm phiếu giao hàng ghi rõ số tiền trên phiếu giao hàng. Sau khi bên mua thanh toán thì nguyên đơn sẽ xuất Hóa đơn GTGT. Nguyên đơn trình bày Các bên mua bán theo thói quen thương mại như trên trong nhiều năm đến năm 2017 do bị đơn không thanh toán tiền theo 10 phiếu giao hàng (XH1-0100 ngày 13/12/2016; XH1-0170 ngày 22/12/2016; XH1-0195 ngày 24/12/2016; XH1-0103 ngày 18/01/2017; XH1-0050 ngày 10/3/2017; XH3-0001 ngày 03/01/2017; XH1-0011 ngày 03/01/2017; XH1-0022 ngày 05/01/2017; XH1-0029 ngày 05/01/2017; XH1-0002 ngày 01/3/2017). Tổng số tiền của 10 phiếu giao hàng trên là 202.966.533 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty Cổ phần Thang máy P kháng cáo cho rằng bị đơn đã thanh toán đủ tiền của 10 phiếu giao hàng nêu trên và xuất trình tại phiên tòa chứng cứ mới là 10 Ủy nhiệm chi và 31 Hóa đơn GTGT do Công ty T phát hành cho người mua hàng là Công ty P từ thời điểm tháng 1 đến tháng 7 năm 2017 để chứng minh đã thanh toán đủ nợ tiền hàng theo 10 phiếu giao hàng mà tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán. Nguyên đơn thừa nhận có nhận được tiền theo các ủy nhiệm chi này và có xuất các Hóa đơn GTGT trên và thừa nhận các ủy nhiệm chi này bị đơn đã chuyển khoản thanh toán sau ngày ký 10 phiếu giao nhận hàng nhưng cho rằng đây là tiền thanh toán cho các đơn hàng khác bị đơn mua sau ngày ký 10 phiếu giao nhận hàng mà nguyên đơn khởi kiện còn số tiền 202.966.533 đồng theo 10 phiếu mua hàng trên bị đơn chưa thanh toán và bị đơn cũng không ký giấy nhận nợ hoặc biên bản để xác định số nợ.

Xét thấy các tài liệu chứng cứ này các đương sự chưa xuất trình tại tòa án cấp sơ thẩm do đó tòa sơ thẩm chưa điều tra đối chiếu làm rõ số tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo các ủy nhiệm chi và Hóa đơn GTGT phát hành sau ngày ký nhận 10 phiếu giao hàng đó là tiền thanh toán cho các phiếu mua hàng nào, có phải là tiền thanh toán cho các phiếu mua hàng mà nguyên đơn khởi kiện như lời trình bày của bị đơn không. Do việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - Công ty Cổ phần Thang máy P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa quyết định hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty Cổ phần Thang máy P không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 27/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Thang máy P số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0044439 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Chinh**